

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Tiêu chí theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới
giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông báo kết luận số 639-TB/TU ngày 18/5/2017 của Thường trực Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1491/TTr-SNN ngày 26/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao các Sở, ngành liên quan căn cứ chức năng quản lý nhà nước của đơn vị để ban hành hướng dẫn cụ thể đối với các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Hội đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

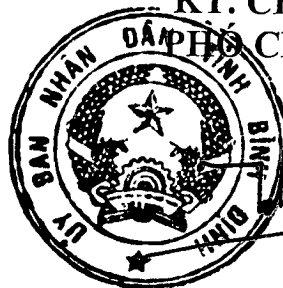
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VPĐP NTM TW (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, K19

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Trần Châu

**TIÊU CHÍ THEO BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2016-2020, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1906 /QĐ-UBND ngày 30/5/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. QUY HOẠCH			
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	70%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (trong đó 70% được cứng hóa)
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	70% được cứng hóa
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥80%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt - Hội trường đa năng đối với vùng đồng bằng tối thiểu 200 chỗ ngồi; vùng miền núi 150 chỗ ngồi; vùng núi cao, hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn tối thiểu 100 chỗ; khu thể thao (chưa tính sân vận động) vùng đồng bằng tối thiểu 2.000m², vùng miền núi tối thiểu 1.200 m². - Đối với các địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí diện tích đất và huy động các nguồn lực để xây dựng mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã thì tạm thời sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như Hội trường, Trung tâm học tập cộng đồng, nhà rồng đã xây dựng từ trước, để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em. Những địa phương chưa có đủ điều kiện để xây dựng tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã một Trung tâm Văn hóa - Thể thao, có thể xây dựng tại cụm xã (3 đến 5 xã) một Trung tâm Văn hóa - Thể thao. Những địa phương không có khu vui chơi, giải trí riêng biệt cho trẻ em có thể sử dụng cơ sở vật chất của Trung tâm văn hóa-Thể thao cấp xã
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Xã có chợ theo QH hoặc có cơ sở bán lẻ khác ở nông thôn, gồm: siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi đáp ứng các yêu cầu theo quy định
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Xã có ít nhất 01 điểm phục vụ Bưu chính để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân tại địa phương
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Xã có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập internet
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Có Đài truyền thanh cấp xã đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền Thông
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	- Ít nhất 2/3 số thôn, làng trong xã có hệ thống loa hoạt động. - Hệ số máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu là 0,5. - Xã có hệ thống máy tính kết nối internet để nhận hoặc gửi văn bản chỉ đạo điều hành - Xã có trang thông tin điện tử riêng hoặc thành phần trên trang TTĐT của huyện, thị xã, thành phố đáp ứng cung cấp tối thiểu các thông tin theo quy định
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥80%	
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT				
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥41	
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤5%	
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥85%	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥40%	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Đạt	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤24,2%	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥95% (trong đó: ≥60% nước sạch)	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Mai táng phù hợp với quy định, phong tục tập quán tại các nghĩa trang được QH; nghĩa trang được xây dựng và quản lý theo QH
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥75%	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu